DS THI HSG 11 CẤP TRƯỜNG NH 26-27

TT	SBD	Phòng	HỌ	TÊN	Lớp (nhập đầy đủ)	Môn thi (nhập số theo quy ước bên	Ghi chú
1	1	1	Phạm Trần Thanh	An	11B2	Toán	
2	2	1	Đỗ Nguyễn Gia	Huy	11B1	Toán	
3	3	1	Lê Tuấn	Nguyễn	11B3	Toán	
4	4	1	Mai văn	Quý	10A11	Toán	
5	5	1	Phạm Thị Thanh	Thùy	11B8	Toán	
6	6	1	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11B2	Toán	
7	7	1	Bùi Quang	Trí	10A9	Toán	
8	8	1	Bạch Gia	Bảo	10A1	Lý	
9	9	1	Tôn Thị Trúc	Huyền	11B7	Lý	
10	10	1	Phạm Trần Uy	Lâm	11B6	Lý	
11	11	1	Đỗ Thị Trà	My	11B6	Lý	
12	12	1	Bạch Ngọc Hòa	Ngân	11B3	Lý	
13	13	1	Tôn Ngọc Viễn	Nhàn	11B1	Lý	
14	14	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	11B2	Lý	
15	15	1	Phạm Nguyễn Nhất	Tâm	11B1	Lý	
16	16	1	Phan Ánh Phương	Trâm	11B7	Lý	
17	17	1	Phan Thị Hồng	Vi	11B2	Lý	
18	18	1	Nguyễn Thành	Viên	11B3	Lý	
19	19	1	Bùi Đức Gia	Vỹ	10A1	Lý	
20	20	1	Nguyễn Thị Trà	Diễm	11B1	Hóa	
21	21	1	Lê Thị Kim	Huyền	11B2	Hóa	
22	22	1	Phạm Văn	Kiệt	11B3	Hóa	
23	23	1	Nguyễn Thị Xuân	Mai	11B2	Hóa	
24	24	1	Đặng Thị Thảo	My	11B2	Hóa	
25	25	1	Đỗ	Quang	10A1	Hóa	
26	26	1	Đặng Diệu	Ánh	11B1	Sinh	
1	27	2	Phạm Võ Trâm	Ánh	11B1	Sinh	
2	28	2	Nguyễn Gia	Bảo	11B1	Sinh	
3	29	2	Nguyễn Trần Gia	Bảo	11B2	Sinh	
4	30	2	Nguyễn Đỗ Khánh	Di	11B2	Sinh	
5	31	2	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	11B1	Sinh	
6	32	2	Bạch Thái	Khang	10A1	Sinh	
7	33	2	Đỗ Thị Kim	Thương	11B1	Sinh	
8	34	2	Nguyễn Lê Phương	Thúy	10A1	Sinh	
9	35	2	Tạ Công	Tĩnh	11B1	Sinh	
10	36	2	Phạm Nữ Kiều	Trinh	11B1	Sinh	
11	37	2	Nguyễn Phạm Ánh	Vy	11B1	Sinh	
12	38	2	Đỗ Thị Khoa	Diễm	11B3	Văn	
13	39	2	Trương Thị Mỹ	Dung	11B5	Văn	
14	40	2	Lê Thuỳ	Dương	10A9	Văn	
15	41	2	Chế Thị Trường	Giang	11B8	Văn	
16	42	2	Bùi Hoàng Gia	Hân	10A9	Văn	

TT	SBD	Phòng	HỌ	TÊN	Lớp (nhập đầy đủ)	Môn thi (nhập số theo quy ước bên	Ghi chú
17	43	2	Đặng Trần Gia	Hân	10A6	Văn	
18	44	2	Đặng Nguyễn Thanh	Hiếu	10A5	Văn	
19	45	2	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	11B5	Văn	
20	46	2	Phạm Nhật	Khánh	10A12	Văn	
21	47	2	Bùi Quốc	Khiêm	10A5	Văn	
22	48	2	Trần Thị Anh	Khoa	11B8	Văn	
23	49	2	Nguyễn Thị Bảo	Lộc	10A5	Văn	
24	50	2	Phạm Khánh	Ly	11B7	Văn	
25	51	2	Hà Thảo	My	10A7	Văn	
26	52	2	Nguyễn Thị Hồng	Nghiêm	11B2	Văn	
1	53	3	Lê Huỳnh Uyên	Nhi	10A10	Văn	
2	54	3	Lê Nguyên Gia	Như	11B5	Văn	
3	55	3	Nguyễn Nữ Y	Nhung	10A1	Văn	
4	56	3	Lê Minh	Phúc	10A1	Văn	
5	57	3	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10A5	Văn	
6	58	3	Lê Huỳnh Minh	Thắng	11B1	Văn	
7	59	3	Nguyễn Huyền	Thanh	10A5	Văn	
8	60	3	Hồ Châu Phương	Thảo	10A3	Văn	
9	61	3	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	11B5	Văn	
10	62	3	Đặng Quang	Tĩnh	10A1	Văn	
11	63	3	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	11B1	Văn	
12	64	3	Nguyễn Hồ Thảo	Vy	10A9	Văn	
13	65	3	Nguyễn Thị Diệu	Vy	11B5	Văn	
14	66	3	Nguyễn Tường	Vy	10A1	Văn	
15	67	3	Võ Đặng Văn	Vỹ	11B1	Văn	
16	68	3	Đoàn Ngọc Khánh	An	11B4	Sử	
17	69	3	Dương Thị Hoàng	Anh	10A12	Sử	
18	70	3	Huỳnh Quốc	Bảo	11B1	Sử	
19	71	3	Ngô Quốc	Bảo	11B1	Sử	
20	72	3	Nguyễn Gia	Bảo	11B2	Sử	
21	73	3	Trần Trương Mỹ	Chi	11B5	Sử	
22	74	3	Phạm Thị	Định	11B5	Sử	
23	75	3	Tôn Nữ Kiều	Duyên	10A5	Sử	
24	76	3	Võ Thị Trà	Giang	11B7	Sử	
25	77	3	Đồng Gia	Hân	11B6	Sử	
26	78	3	Nguyễn Trần Gia	Hân	10A7	Sử	
1	79	4	Nguyễn Tấn	Hoàng	11B6	Sử	
2	80	4	Trần Như	Khánh	10A8	Sử	
3	81	4	Võ Lê Thăng	Long	10A5	Sử	
4	82	4	Lê Hoài	My	11B8	Sử	
5	83	4	Ngô Thị Phương	Na	10A5	Sử	
6	84	4	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10A12	Sử	
7	85	4	Trương Nguyễn Tường	Ngân	10A5	Sử	
8	86	4	Đặng Trường	Nghĩa	11B5	Sử	

TT	SBD	Phòng	HỌ	TÊN	Lớp (nhập đầy đủ)	Môn thi (nhập số theo quy ước bên	Ghi chú
9	87	4	Trần Lê Cát	Nguyên	11B8	Sử	
10	88	4	Đặng Lê Hoàng	Nhật	11B8	Sử	
11	89	4	Phạm Vũ Quỳnh	Nhi	10A5	Sử	
12	90	4	Lê Minh	Quý	10A5	Sử	
13	91	4	Nguyễn Gia	Thái	10A8	Sử	
14	92	4	Phan Thị Lệ	Thi	11B7	Sử	
15	93	4	Nguyễn Nhã Anh	Thơ	10A7	Sử	
16	94	4	Trần Thi Minh	Thư	11B4	Sử	
17	95	4	Phạm Thị Tú	Trinh	11B5	Sử	
18	96	4	Ngô Thanh	Vân	11B1	Sử	
19	97	4	Phan Thị Thanh	Xuân	11B8	Sử	
20	98	4	Đinh Nguyễn Ngọc Như	Ý	11B4	Sử	
21	99	4	Phạm Thị Hồng	Yến	10A12	Địa	
22	100	4	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	10A9	Địa	
23	101	4	Lê Trần	Huy	10A7	Địa	
24	102	4	Phạm Ngọc Kim	Ngân	11B6	Địa	
25	103	4	Nguyễn Bích	Thuận	11B8	Địa	
26	104	4	Nguyễn Tiến	Thương	10A5	Địa	
1	105	5	Bùi Thảo	Uyên	11B6	Địa	
2	106	5	Huỳnh Ngọc	Vũ	10A5	Địa	
3	107	5	Bùi Hoàng Kim	Ngân	11B4	GDKTPK	
4	108	5	Bùi Thị Bảo	Ngọc	11B5	GDKTPK	
5	109	5	Đào Văn Anh	Nhớ	11B7	GDKTPK	
6	110	5	Nguyễn Tấn	Phát	11B5	GDKTPK	
7	111	5	Nguyễ Thái Anh	Thư	10A7	GDKTPL	
8	112	5	Đinh Ngọc Như	Thuận	11B5	GDKTPK	
9	113	5	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	11B5	GDKTPK	
10	114	5	Phạm Thị Thủy	Tiên	11B5	GDKTPK	
11	115	5	Từ Thanh	Trọng	11B5	GDKTPK	
12	116	5	Nguyễn Thị Trà	Giang	11B6	Anh	
13	117	5	Nguyễn Phạm Hồng	Hạnh	11B6	Anh	
14	118	5	Lê Hồ Quỳnh	Hoa	10A3	Anh	
15	119	5	Bùi Lê Đăng	Khoa	10A3	Anh	
16	120	5	Phạm Nguyễn Hoài	My	10A10	Anh	
17	121	5	Đỗ Phi Quỳnh	Nhiên	11B1	Anh	
18	122	5	Võ Ngọc Quỳnh	Như	11B5	Anh	
19	123	5	Nguyễn Ngọc Tấn	Phát	11B6	Anh	
20	124	5	Ngô Hồng	Phúc	10A9	Anh	
21	125	5	Nguyễn Dạ Hương	Quỳnh	10A9	Anh	
22	126	5	Võ Thị Như	Thảo	11B1	Anh	
23	127	5	Nguyễn Hiếu	Thiên	11B8	Anh	
24	128	5	Mai Thị Bích	Trâm	11B4	Anh	
25	129	5	Nguyễn Đức	Tùng	11B8	Anh	
26	130	5	Phan Long Bích Ngọc	Yến	10A9	Anh	